**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II- LỚP 11**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN**

**A. CÁC CẤP ĐỘ KIẾN THỨC**

**1. THƠ**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.

- Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.

- Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.

- Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.

- Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.

**Thông hiểu:**

- Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.

- Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).

- Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.

- Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.

- Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.

**Vận dụng:**

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.

**Vận dụng cao**:

- Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.

- Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.

- So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

- Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.

**Tham khảo tác dụng/hiệu quả một số BPTT**

**\* Biện pháp tu từ từ vựng**

**- So sánh:** Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc

**-Ẩn dụ:** Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.

**-Nhân hóa:** Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người

**-Hoán dụ:** Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc

**-Điệp từ/ngữ/cấu trúc:** Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.

**-Nói giảm:** Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng

**-Thậm xưng:** Tô đậm, phóng đại về đối tượng.

**-Câu hỏi tu từ:** Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định…)

**-Đối** : Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa cho sự diễn đạt, nhằm thể hiện ý nghĩa nào đó.

**-Đảo ngữ:** Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên.

**\* Biệp pháp tu từ cú pháp:**

- Phép lặp cú pháp:Lặp cú pháp là tạo ra những câu hoặc những đoạn câu có chung một kiểu cấu tạo cú pháp, làm cho câu văn có tính chất cân đối, với dụng ý tác động về nhận thức hoặc về tình cảm.

- Phép liệt kê: Liệt kê là cách sắp xếp nối tiếp những đơn vị cú pháp đồng loại (nhưng khác nhau về từ ngữ) nhằm tạo ra những ý nghĩa bổ sung về mặt nhận thức hoặc thể hiện cách đánh giá, cảm xúc chủ quan về các sự vật được đưa ra.

- Phép chêm xen: Chêm xen là cách đưa thêm từ ngữ (có khi là một tổ hợp từ có dạng một câu trọn vẹn) vào câu, nhưng không thiết lập quan hệ ngữ pháp với phần câu chứa chúng, nhằm chi tiết hóa sự việc, làm cho lời văn linh hoạt, nêu nhận xét của người thuật chuyện, bổ sung những tin mang những mục đích rất khác nhau.

**2. KÍ, TÙY BUT, TẢN VĂN**

**Nhận biết:**

- Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.

- Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.

- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.

**Thông hiểu:**

- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.

- Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.

- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.

- Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.

- Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.

**Vận dụng**:

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.

**Vận dụng cao**:

- Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

- So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

**3. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**Nhận biết:**

- Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản.

- Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản.

- Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.

**Thông hiểu:**

- Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.

- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.

- Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.

- Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

**Vận dụng:**

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.

- Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.

**Vận dụng cao:**

Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.

**II/ KĨ NĂNG**

**II.1/ KĨ NĂNG LÀM ĐỌC HIỂU**

1/ Nhận diện được các cấp độ kiến thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng thấp

2/ Trả lời ngắn gọn, trọng tâm các câu hỏi tự luận (câu 1 đến câu 8)

**II.2/ KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN**

1. **Đánh giá phân tích một tác phẩm thơ**

**1.1. Yêu cầu:**

- Viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là nêu lên và làm rõ ý kiến của người viết về cấu tứ, hình ảnh thơ

- Phân tích là chỉ ra và làm rõ từng phương diện cụ thể hoặc đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, khía cạnh của tác phẩm thơ,

- Đánh giá là nêu nhận xét của người viết về những điều đã được phân tích. Khi đánh giá, có thể nêu cả các hạn chế cũng như những điều tâm đắc, những phát hiện riêng của bản thân về tác phẩm thơ, Phân tích và đánh giá thường kết hợp với nhau,...

**1.2. Cấu trúc**

*- Mở bài*: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, tác giả, điều mình ấn tượng tâm đắc: cấu tứ, hình ảnh…

*- Thân bài*:

+ Mạch ý tưởng cảm xúc, sự phát triển của các hình tượng chính, nét hấp dẫn riêng của bài thơ

+ Đặc sắc cấu tứ: cách triển khai tứ thơ, kết câu…

+ Hình ảnh thơ, tính tượng trưng….

*- Kết bài*: Khẳng định giá trị tư tưởng và thẩm mĩ của bài thơ, những suy nghĩ ấn tượng của người viết.

2. **Viết văn bản thuyết minh**

**2.1. Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học**

**a. Yêu cầu**

1. Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh (Tác giả, nhan đề, đánh giá chung.
2. Giới thiệu khái quát về tác giả
3. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đặc điểm thể loại, tóm tắt được nội dung tác phẩm
4. Đánh giá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.
5. Đánh giá vị trí, đóng góp của tác phẩm với đời sống văn học.
6. Có thể lồng ghép các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận; nhưng cần đảm bảo giữ được đặc trưng thể loại của văn bản thuyết minh( không để lẫn với văn bản nghị luận)

**b. Cấu trúc**

***- Mở bài*:** Giới thiệu được tác giả, tác phẩm cần thuyết minh

***- Thân bài*:**

+ Giới thiệu vị trí của tác phẩm, tác giả trong nền văn học

+ Giới thiệu thể loại, hoàn cảnh ra đời, tóm tắt nội dung, bố cục... của tác phẩm

+ Giới thiệu nội dung trọng tâm và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm; nêu ý nghĩa

***- Kết bài*:** Đóng góp của tác phẩm với tác giả, với dòng văn học, với đời sống xã hội, với thế giới...

**2.2.** **Viết văn bản thuyết minh về một hiện tượng xã hội**

**a. Yêu cầu**

- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần thuyết minh

- Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về hiện tượng xã hội cần thuyết minh

- Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ.

- Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản.

- Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

**b. Cấu trúc**

***- Mở bài*:** Giới thiệu hiện tượng cần thuyết minh, nêu rõ sự tồn tại của hiện tượng trong thực tế đời sống xã hội.

***- Thân bài*:**

+ Thuyết minh về thực chất của hiện tượng xã hội.

+ Lí giải rõ ràng nguyên nhân của hiện tượng.

+ Trình bày tác động tích cực hoặc tiêu cực của hiện tượng đối với đời sống con người, có sử dụng các cứ liệu cụ thể.

+ Nêu giải pháp phát huy hiện tượng tích cực hoặc hạn chế hiện tượng tiêu cực.

***- Kết bài*:** Nêu ý nghĩa của việc ủng hộ hay bày tỏ sự phản đối hiện tượng đó.

**B CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA: 100% tự luận**

**I/ ĐỌC-HIỂU (6,0 điểm)**

**Ngữ liệu**

- Các văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại thơ trữ tình (thơ nguyễn Du).

**Các cấp độ kiến thức**

* Nhận biết: Câu 1-3 (1,5 điểm)
* Hiểu: Câu 4-6 (3,0 điểm)
* Vận dụng: Câu 7 (1,0 điểm)
* Vận dụng cao: Câu 8 (0,5 điểm)

**II. VIẾT-TẠO LẬP VĂN BẢN (4,0 điểm)**

Viết một bài luận (khoảng 500-800 chữ) thuyết minh về một hiện tượng trong đời sống xã hội.

------------------Hết-----------------